

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 3 - 2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2021, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1965 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kiều D, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, ông Trần Văn K trình bày:

Vào năm 1995, ông (Trần Văn K) và bà Nguyễn Kiều D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Kiều D. Về con chung có 02 người tên là

Trần Mai Q (giới tính nữ) sinh ngày 20/9/1996 và Trần Hoàng A (giới tính nam), sinh ngày 16/4/1998, hiện Trần Mai Q và Trần Hoàng A đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Kiều D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Trần Văn K yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Kiều D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Kiều D có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Kiều D.

[2]. Xét về hôn nhân, ông Trần Văn K và bà Nguyễn Kiều D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông Trần Văn K xác định quá trình chung sống cùng với bà Nguyễn Kiều D thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây giữa ông và bà Nguyễn Kiều D thường xảy ra mâu thuẫn mà không thể hàn gắn. Ông Trần Văn K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Kiều D. Bà Nguyễn Kiều D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ông Trần Văn K và bà Nguyễn Kiều D không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Có 02 người tên là Trần Mai Q (giới tính nữ) sinh ngày 20/9/1996 và Trần Hoàng A (giới tính nam), sinh ngày 16/4/1998, hiện Trần Mai Q và Trần Hoàng A đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống, ông Trần Văn K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn K xác định không có tài sản chung và nợ chung, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Trần Văn K phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn K và bà Nguyễn Kiều D là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Trần Văn K đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012419, ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước